TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 27-5 -2020
V/v trAh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **DAh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **PhA Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg *tham gia phiên toà:* Ông **Lâm Sển** – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về trAh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Chung, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên GiAg.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trường Thọ, sinh năm 1975 – Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Minh Khai (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Phùng ThAh S, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Bà Thái Thị A, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Phước Chung, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên GiAg

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà L có cho vợ chồng ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A vay tổng cộng số tiền là 69.000.000 đồng cụ thể là ngày 21/01/2018 ÂL vay 5.000.000 đồng, ngày 08/02/2018 ÂL vay 10.000.000 đồng, ngày 14/02/2018 ÂL vay 5.000.000 đồng và ngày 22/6/2018 vay 49.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng, các lần vay tiền trên thì không làm biên nhận nhưng tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2019 bà Thái Thị A xác nhận vợ chồng bà A, ông S có nợ bà L tổng cộng số tiền là 69.000.000 đồng và bà A xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến hết nợ. Khi vay ông S và bà A nói vay vài tháng sẽ trả lại, nhưng đến nay vợ chồng ông S, bà A vẫn chưa thAh toán cho bà L số tiền này, bà Liếu có đến nhà đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông S, bà A hẹn lần hẹn lựa nhiều lần mà vẫn không thAh toán cho bà số tiền trên.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A hoàn trả cho bà số tiền gốc là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 25/11/2019 cho đến ngày Tòa xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Phùng ThAh S vắng mặt ,cố tình trốn tránh không lên Tòa án và không có văn bản nêu rõ ý kiến của ông S gửi cho Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành ghi ý kiến của ông S được nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2020 và ngày 29/4/2020 thì bị đơn Thái Thị A trình bày như sau :

Vào khoảng năm 2017 bà A có vay của bà Nguyễn Ngọc L số tiền gốc là 20.000.000 đồng, thỏa thuận góp mỗi ngày là 600.000 đồng và góp trong vòng 40 ngày bằng số tiền là 24.000.000 đồng. Sau đó bà A vay thêm của bà L và tiền lãi phát sinh, hai bên tất toán thì bà A xác nhận hiện còn nợ bà L số tiền gốc là 69.000.000 đồng, bà L xác nhận số tiền nợ trên là nợ chung của vợ chồng bà, việc bà L khởi kiện vợ chồng bà để yêu cầu trả số nợ trên thì chồng bà là ông Phùng ThAh S có biết và thống nhất với ý kiến của bà đã trình bày với Tòa án nhưng do chồng bà thường xuyên đi làm khong có thời giA lên Tòa án để tham gia giải quyết vụ trAh chấp này nên chồng bà đồng ý và thống nhất với quyết định của bà A.

Nay bà A đồng ý trả số tiền trên cho bà L nhưng do vợ chồng bà gặp nhiều khó khăn nên bà xin trả dần số tiền nêu trên cho bà L mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

** Ý kiến người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn - Luật sư Nguyễn Trường Thọ:* Bà L cho bà A, ông S vay 4 lần là 69.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ, nhưng tại ấp bà A, ông S đã thừa nhận có vay số tiền trên. Số tiền trên hai bên tự nguyện thực hiện hợp đồng bằng miệng số tiền này, nhưng bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận nên đã vi phạm quy định nghĩa vụ của bên vay. Căn cứ theo pháp luật thì chủ thể giao dịch đều có năng lực pháp luật dân sự, mục đích

giao dịch không trái quy định pháp luật. Bị đơn cũng đã cam kết trả số tiền này nhưng không thực hiện việc trả nợ, nên làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quA điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg giải quyết việc trAh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Tại phiên toà ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quA hệ pháp luật trAh chấp: Xét trAh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc L và ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A là trAh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tuy các bên không làm biên nhận về việc vay tiền nhưng tại biên bản hòa giải cơ sở tại ấp Phước Chung, xã Mong Thọ B ngày 25/11/2019 thì các bên đã xác nhận có việc vay tiền giữa các đương sự với nhau, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng xác nhận có việc vay tiền giữa các bên nên HĐXX nhận định việc vay tiền giữa các bên là có thật và do hai bên xác lập việc vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền gốc là 69.000.000 đồng:

Nguyên đơn Nguyễn Ngọc L yêu cầu và bị đơn ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A có nghĩa vụ thAh toán số tiền gốc là 69.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận bởi vì:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông S và bà L cũng thừa nhận có vay của bà L nhiều lần và hiện còn nợ bà L với số tiền gốc là 69.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nêu trên cho bà L, nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì các bên đương sự không phải chứng minh về số tiền gốc nêu trên, mặc dù ông S không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

nhưng bà A xác nhận ông S biết việc khởi kiện nêu trên và thống nhất theo ý kiến của bà A, hơn nữa bà A cũng xác nhận số tiền nợ trên là nợ chung của ông bà.

Do đó có căn cứ buộc vợ chồng ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A phải thAh toán số tiền gốc 69.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thAh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ tháng 6/2018 nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thAh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 25/11/2019 cho đến khi xét xử, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi vì căn cứ theo Điều 466,468 BLDS 2015 thì quy định trường hợp bên vay không trả tiền hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi cho bên vay theo khoản 5 Điều 466 BLDS 2015, dó đó yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ. Về thời giA tính tiền lãi suất là ngày 25/11/2019 thì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận khi cho vay tiền thì không làm biên nhận không có giấy tờ chứng minh các mốc thời giA cho bị đơn vay tiền, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 69.000.000 đồng và không thừa nhận thời giA là vay tiền từ tháng 6/2018, hơn nữa theo biên bản hòa giải tại ấp Phước Chung ngày 25/11/2019 là thời điểm các bên phát sinh trAh chấp số tiền vay, nên HĐXX xác định thời giA tính tiền lãi là ngày 25/11/2019 là phù hợp. Do đó căn cứ theo khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lãi suất được tính như sau: 69.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 6 tháng (từ ngày 25/11/2019 đến ngày 27/5/2020) = 3.312.000 đồng. Như vậy tổng số tiền lãi bị đơn phải thAh toán cho nguyên đơn là 3.312.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu thời giA trả nợ của bị đơn: Ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng đến khi dứt nợ, nhưng không được bà L chấp nhận, vì bà L yêu cầu ông S và bà A trả số nợ trên mọt lần nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của ông S và bà A.

[6] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận như đã phân tích và nhận định trên.

[7] Xét yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án: Tòa án nhận thấy đề nghị trên là có căn cứ cần chấp nhận bởi những nhận định như trên.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 1, Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 264, 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy BA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L.

Buộc bị đơn ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền gốc là 69.000.000 đồng và tiền lãi là 3.312.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 72.312.000 đồng (Bảy mươi hai triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A có nghĩa vụ nộp 3.615.600 đồng (Ba triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp nộp 1.725.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0002110, ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên GiAg.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Bà Nguyễn Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phùng ThAh S và bà Thái Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAD tỉnh Kiên GiAg;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DAh Pì Sách